BỘ Y TẾ **BỆNH VIỆN K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1940 /QĐ-BVK	*Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng sinh phẩm, hóa chất lần 6 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN K

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày

08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 24/2026/TT-BYT ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác định mức độ rủi ro, biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa là thiết bị y tế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 05/2022/TT-BYT quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 711/BYT-QĐ ngày 17/7/1969 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện K;

Căn cứ Quyết định số 3269/QĐ-BYT ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện K;

Căn cứ Quyết định số 1981/QĐ-BVK ngày 08/9/2025 của Giám đốc Bệnh viện K về việc Ban hành quy trình mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại Bệnh viện K;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BVK ngày 29/06/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt dự toán mua sắm tài sản, hàng hóa và cung cấp dịch vụ đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-BVK ngày 06/08/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt danh mục chi tiết mua sắm các mặt hàng sinh phẩm, hóa chất lần 6 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K.

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-BVK ngày 14/08/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt danh mục chi tiết mua sắm ống nghiệm Lithium Heparin, Ống nghiệm tách huyết thanh Serum năm 2026 của Bệnh viện K.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học kỹ thuật Bệnh viện ngày 24/4/2026;

Căn cứ Quyết định số 1607/QĐ-BVK ngày 13/8/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt danh mục chi tiết mua sắm đột xuất Dao cắt hớt dưới niêm mạc và Kim chọc hút siêu âm dùng cho chuyên khoa Nội soi – Thăm dò chức năng năm 2026.

Căn cứ Báo cáo số 12.2026/BC-TTĐ813 ngày 9/9/2026 về việc xem xét, đánh giá điều kiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng sinh phẩm, hóa chất lần 6 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K;

Theo đề nghị của Phòng VT-TBYT tại Tờ trình số 849/TTr-VTTBYT ngày 18/08/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng sinh phẩm, hóa chất lần 6 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng sinh phẩm, hóa chất lần 6 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K, cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị các gói thầu: **1.811.055.144 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm mười một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi bốn đồng/.)*

2. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu : Chi tiết tại Phụ lục 01

3. Nội dung gói thầu: Chi tiết tại Phụ lục 02

Điều 2. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành. Các Ông (Bà) Trưởng, Phụ trách Khoa/Phòng: Vật tư - Thiết bị y tế, Tài chính - Kế toán, Kế hoạch tổng hợp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN K

Lê Văn Quảng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng sinh phẩm, hóa chất lần 6 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K

(Kèm theo Quyết định số 1940 ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện K)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện K	Gói 1: Mua sắm 08 mặt hàng tương thích máy xét nghiệm định lượng HbA1c bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) tốc độ phân tích 24-58 giây/mẫu (A1c HA-9180V)	Mua sắm sinh phẩm, hóa chất	434.539.984	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K	Chào giá trực tuyến rút gọn	Không áp dụng	45 ngày	Quý III năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	180 ngày	Không áp dụng
2	Bệnh viện K	Gói 2: Mua sắm 09 mặt hàng sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa chất phục vụ khối cận lâm sàng của Bệnh viện K (gồm 09 phần mỗi phần là một mặt hàng)	Mua sắm sinh phẩm, hóa chất	617.765.160	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K	Chào giá trực tuyến rút gọn	Không áp dụng	45 ngày	Quý III năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	180 ngày	Không áp dụng
3	Bệnh viện K	Gói 3: Mua sắm ống nghiệm Lithium Heparin, Ống nghiệm tách huyết thanh Serum	Mua sắm sinh phẩm, hóa chất	269.750.000	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K	Chào giá trực tuyến rút gọn	Không áp dụng	45 ngày	Quý III năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	180 ngày	Không áp dụng
4	Bệnh viện K	Gói 4: Mua sắm Dao cắt hớt dưới niêm mạc và Kim chọc hút siêu âm dùng cho chuyên khoa Nội soi – Thăm dò chức năng (gồm 2 phần, mỗi phần là một mặt hàng)	Mua sắm vật tư	489.000.000	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K	Chào giá trực tuyến rút gọn	Không áp dụng	45 ngày	Quý III năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	180 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**1.811.055.144**								
Một tỷ, tám trăm mười một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi bốn đồng .												

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN K

Lê Văn Quảng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Danh mục chi tiết các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng sinh phẩm, hóa chất lần 6 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K

(Kèm theo Quyết định số 1940 /QĐ-BVK ngày 17 / 9 /2026 của Giám đốc Bệnh viện K)

TT	Danh mục hàng hóa/Tên phần lô	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ)
I	**Gói 1: Mua sắm 08 mặt hàng tương thích máy xét nghiệm định lượng HbA1c bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) tốc độ phân tích 24-58 giây/mẫu (A1c HA-9180V);**					**434.539.984**
1	Thuốc thử xác định HbA1c loại A	Xác định HbA1c trong máu toàn phần Gồm: Sodium azide: <0.1 %; Sodium perchlorate < 1%;	ml	28.800	4.125	118.800.000
2	Thuốc thử xác định HbA1c loại B	Xác định HbA1c trong máu toàn phần Gồm: Sodium perchlorate:1-5%; Phosphate<=2%; Sodium azide <0,1%	ml	10.800	4.750	51.300.000
3	Thuốc thử xác định HbA1c loại C	Xác định HbA1c trong máu toàn phần Gồm: Sodium perchlorate <=0,3%; Sodium azide<0,1%; Phosphate: <=2%	ml	14.400	4.750	68.400.000
4	Dung dịch rửa ly giải	Gồm: 2-Phenoxyethanol < 1%; Sodium azide <= 0,02%	ml	60.000	2.825	169.500.000
5	Dung dịch kiểm chuẩn	Gồm: Hemoglobin, human 13.0-15.0g/dL; Potassium Cyanide <0.005%.	ml	4	3.780.000	15.120.000
6	Dung dịch hiệu chuẩn	Gồm: Human source hemoglobin (Calibrator High/Low); 2-Phenoxyethanol <1% và Polyoxyethylated Octyl phenol <0,1% (Calibrator Diluent)	ml	48	108.333	5.199.984
7	Dung dịch pha loãng	Thành phần: 2-Phenoxyethanol < 1% Polyoxyethylated Octyl phenol < 0.1%	ml	500	10.140	5.070.000

TT	Danh mục hàng hóa/Tên phần lô	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ)
8	Dung dịch rửa	Gồm: Nonionic Surfactant 1- 5%; Inorganic salt 1-5%; Antiseptic 0.1- 1%	ml	250	4.600	1.150.000
II	**Gói 2: Mua sắm 09 mặt hàng sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa chất phục vụ khối cận lâm sàng của Bệnh viện K (gồm 09 phần mỗi phần là một mặt hàng).**					**617.765.160**
1	**Phần 1: Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học**					
1.1	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	Thành phần: Quaternary Ammonium Salts, Sodium Sulfite	Lít	75	5.376.000	403.200.000
2	**Phần 2: Chất kiểm chuẩn nâng cao dùng trên máy phân tích huyết học**					
2.1	Chất kiểm chuẩn nâng cao dùng trên máy phân tích huyết học	Thành phần: gồm 3 mức nồng độ. Mỗi mức bao gồm hồng cầu (đã được ổn định, xử lý) trong môi trường đẳng trương, thành phần có kích thước tiểu cầu (đã được ổn định) và các tế bào hồng cầu đã cố định để mô phỏng các tế bào bạch cầu và các tế bào hồng cầu có nhân; có cung cấp giá trị MDW	ml	168	285.600	47.980.800
3	**Phần 3: Môi trường tăng sinh và nuôi cấy vi sinh vật (Brain Heart Infusion Broth)**					
3.1	Môi trường tăng sinh và nuôi cấy vi sinh vật (Brain Heart Infusion Broth)	Ống nhựa 10 ml , có nắp xoáy kín, chứa 5 ml môi trường giàu dinh dưỡng dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính. Đáp ứng " Yêu cầu kiểm soát chất lượng tối thiểu cho nhà sản xuất đối với môi trường nuôi cấy đổ sẵn" theo tiêu chuẩn của CLSI Thành phần: Brain infusion solids, Beef heart infusion solid, Proteose peptone, Sodium chloride, Glucose, Disodium phosphate,pH 7.4 ± 0,2 ở 25°C	Ống	1000	13.650	13.650.000

TT	Danh mục hàng hóa/Tên phần lô	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ)
4	**Phần 4: Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu**					
4.1	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu	Thành phần: Đệm phosphate 10 mmol/L; Natri Chloride 20mmol/L chất tẩy ≤ 0.1%; chất bảo quản; pH 7.0	Lít	208	234.150	48.703.200
5	**Phần 5: Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do**					
5.1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch từ động; Thành phần chính: Dụng dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt động bề mặt, NaN3, T3 ở các mức nồng độ 0pg/ml, xấp xỉ 1, 2, 5, 10 và 30 pg/ml	ml	30	304.290	9.128.700
6	**Phần 6: Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9**					
6.1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên máy xét nghiệm miễn dịch từ động; Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ xấp xỉ 30, 90, 300, 900 và 2000 U/ml	ml	15	534.660	8.019.900
7	**Phần 7: Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho máy phân tích miễn dịch**					
7.1	Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho máy phân tích miễn dịch	Thành phần chính: Phosphatase kềm, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit	ml	24	68.040	1.632.960

TT	Danh mục hàng hóa/Tên phần lô	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ)
8	**Phần 8: Napsin A**					
8.1	Napsin A	Thành phần: KTĐD (map) chuột kháng Napsin A dòng MRQ-60 dạng pha sẵn, đệm Tris,pH7.3-7.7, với BSA1% và <0.1% Sodium Azide	Test	200	209.664	41.932.800
9	**Phần 9: Kháng thể đơn dòng kháng Napsin A; dòng: RBT-NAPSA**					
9.1	Kháng thể đơn dòng kháng Napsin A; dòng: RBT-NAPSA	Thành phần: Napsin . Kháng thẻ đơn dòng thỏ; dòng: RBT-NAPSA, pha loãng trong dung dịch đệm 7.5 có chứa BSA và natri azide làm chất bảo quản	ml	75	580.224	43.516.800
III	**Gói 3: Mua sắm ống nghiệm Lithium Heparin, Ống nghiệm tách huyết thanh Serum**					**269.750.000**
1	Ống nghiệm Lithium Heparin	Chất liệu: nhựa PP, kích thước 12x75mm hoặc 13x75mm, chịu được lực quay ly tâm ≥ 3000 vòng/ phút.	Ống	400.000	650	260.000.000
2	Ống nghiệm tách huyết thanh Serum	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75 (mm) hoặc 12x75(mm), dung tích tối đa 6ml. Bên trong chứa hạt nhựa PS (Polystyrene), có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.	Ống	15.000	650	9.750.000
IV	**Gói 4: Mua sắm Dao cắt hớt dưới niêm mạc và Kim chọc hút siêu âm dùng cho chuyên khoa Nội soi – Thăm dò chức năng (gồm 2 phần, mỗi phần là một mặt hàng)**					**489.000.000**
1	**Phần 1: Dao cắt hớt dưới niêm mạc hình núm, có tưới rửa Dual knife J**					
1.1	Dao cắt hớt dưới niêm mạc hình núm, có tưới rửa Dual knife J	Đầu dao hình núm đường kính 0.3mm, có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại, chiều cao của núm khi thu ngắn lại chỉ còn 0.1mm để hỗ trợ đánh dấu và cầm máu, loại có kênh tưới rửa, đường kính kênh dụng cụ 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm/1950mm/ 2300mm, chiều dài dao cắt 1.5mm/2.0mm Xuất xứ: G7	Cái	30	9.550.000	286.500.000

TT	Danh mục hàng hóa/Tên phần lô	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ)	Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ)
2	**Phần 2: Kim chọc hút siêu âm nội soi FNB**					
2.1	Kim chọc hút siêu âm nội soi FNB	- Chiều dài làm việc 1375mm - 1415mm. - Đường kính kim: 19G, 22G, 25G. - Chiều dài tối đa của kim 80mm. - Kim tiêm 19G chất liệu Nitinol, Kim tiêm 22G chất liệu Cobalt Chromium, thiết kế đầu kim 3 chạc tối ưu để lấy mẫu mô. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: G7	Cái	15	13.500.000	202.500.000
	Tổng cộng **Số tiền bằng chữ: Một tỷ, tám trăm mười một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi bốn đồng**					**1.811.055.144**

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN K

Lê Văn Quảng